

UBND TỈNH PHÚ THỌ
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN KỲ TUYỂN DỤNG
GIÁO VIÊN TIỂU HỌC, THCS, THPT VÀ NHÂN VIÊN CÁC CẤP HỌC NĂM 2025
(Ngày thi: 19/5/2025-20/5/2025)

(Kèm theo Thông báo số /TB-HDTD ngày tháng 5 năm 2025 của Hội đồng tuyển dụng)

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
1	TH.001	01	Đinh Nhật Anh	18/11/1996	55	
2	TH.002	01	Hoàng Thị Lan Anh	01/10/2002	70	
3	TH.003	01	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	13/2/2000	50	
4	TH.004	01	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	12/01/2000	57.5	
5	TH.005	01	Đỗ Ngọc Ánh	19/10/2002		Vắng
6	TH.006	01	Trần Ngọc Ánh	12/06/2002	90	
7	TH.007	01	Hoàng Văn Bình	21/10/1996	59	
8	TH.008	01	Vũ Mai Châm	14/1/2000	55	
9	TH.009	01	Nguyễn Khánh Chi	19/8/2002	80	
10	TH.010	01	Lê Thị Chinh	17/3/1998	50	
11	TH.011	01	Hoàng Thị Đào	15/4/1989	40	
12	TH.012	01	Vũ Thị Đào	01/06/1993	62.5	
13	TH.013	01	Nguyễn Việt Dương	31/5/2000	68	
14	TH.014	01	Chu Hương Giang	23/7/2001	55	
15	TH.015	01	Khổng Lam Giang	05/06/2002		Vắng
16	TH.016	01	Đào Thị Huệ Giang	24/9/1994	50	
17	TH.017	01	Nguyễn Thị Thu Hà	28/7/1994	68	
18	TH.018	01	Đỗ Thị Bích Hà	15/7/1993		Vắng
19	TH.019	01	Đinh Thị Hà	26/9/1995	60	
20	TH.020	01	Đỗ Thị Thu Hải	05/03/2001	67	
21	TH.021	01	Nguyễn Thanh Hằng	16/12/1998	50	
22	TH.022	01	Nguyễn Thu Hằng	29/04/1995	80	
23	TH.023	01	Nguyễn Thị Hạnh	21/1/1985	55	
24	TH.024	01	Vũ Thị Thu Hiền	27/01/1997	50	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
25	TH.025	01	Nguyễn Thảo Hiền	06/07/2002	66	
26	TH.026	01	Đinh Thị Hiền	17/11/2000		Vắng
27	TH.027	01	Nguyễn Thu Hiền	10/12/1996	60	
28	TH.028	01	Nguyễn Thị Hinh	01/09/1997	51	
29	TH.029	01	Nguyễn Thị Như Hoa	27/11/1983	50	
30	TH.030	01	Nguyễn Thị Thanh Hoa	19/9/1993	52	
31	TH.031	01	Hà Thị Thanh Hòa	21/8/1996	67	
32	TH.032	01	Vũ Đình Hoàng	01/01/1996	51	
33	TH.033	01	Bùi Thị Ánh Hồng	02/01/2002	68	
34	TH.034	01	Phạm Thị Hợp	30/9/1992	52	
35	TH.035	01	Nguyễn Thị Huân	14/12/1990	50	
36	TH.036	01	Đỗ Thu Hương	06/10/1993	55	
37	TH.037	01	Nguyễn Thanh Hương	11/01/1997	62	
38	TH.038	01	Nguyễn Thị Thu Hương	27/10/1992		Vắng
39	TH.039	01	Phan Thị Thu Hương	04/09/1996	71	
40	TH.040	01	Nguyễn Thị Thu Hương	24/3/1995	40	
41	TH.041	01	Đinh Thị Hường	24/8/1994	46	
42	TH.042	01	Khổng Thị Bích Hường	16/4/2001	50	
43	TH.043	01	Vũ Quang Huy	17/8/2002	71	
44	TH.044	01	Trần Thanh Huyền	26/03/2002	82	
45	TH.045	01	Nguyễn Thị Thu Huyền	05/10/1992	69	
46	TH.046	01	Nguyễn Thanh Huyền	08/03/2002	72	
47	TH.047	02	Triệu Thị Huyền	23/3/1997	50	
48	TH.048	02	Dương Thị Huyền	28/6/1992	55	
49	TH.049	02	Nguyễn Bá Thị Huyền	24/2/1993	61	
50	TH.050	02	Sầm Thị Kim	14/9/1992	65	
51	TH.051	02	Đỗ Thị Thảo Lan	10/12/1996	50	
52	TH.052	02	Nông Quang Linh	24/01/1998		Vắng
53	TH.053	02	Đỗ Khánh Linh	26/4/2002	75	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
54	TH.054	02	Chữ Khánh Linh	07/10/2000	75	
55	TH.055	02	Đỗ Thị Linh	04/03/2000	75	
56	TH.056	02	Trần Thị Thanh Loan	01/08/2002	70	
57	TH.057	02	Lương Thị Lợi	02/11/2002	69	
58	TH.058	02	Nguyễn Thị Lựu	21/07/1994	55	
59	TH.059	02	Trần Công Mạnh	10/11/1983	60	
60	TH.060	02	Đàm Thị Hà Mỹ	07/02/2002		Vắng
61	TH.061	02	Trương Thanh Nga	17/11/1991	57.5	
62	TH.062	02	Khuất Thị Kiều Nga	05/12/2002	60	
63	TH.063	02	Nguyễn Thị Hằng Nga	15/06/1996	60	
64	TH.064	02	Đinh Thị Kim Ngân	10/03/1994	52	
65	TH.065	02	Nguyễn Thị Ngọc	01/02/1991	70	
66	TH.066	02	Lê Như Ngọc	12/11/2002	52.5	
67	TH.067	02	Trần Thị Thanh Nhân	05/01/1993		Vắng
68	TH.068	02	Trần Thị Hồng Nhung	02/09/1993	65	
69	TH.069	02	Nguyễn Hồng Nhung	10/06/1998	70	
70	TH.070	02	Phạm Kiều Oanh	29/5/2002	70	
71	TH.071	02	Đoàn Hà Phương	14/4/2002	69	
72	TH.072	02	Đặng Thị Bích Phượng	06/11/1996	51	
73	TH.073	02	Nguyễn Thị Phượng	27/9/1993	60	
74	TH.074	02	Đặng Văn Quảng	10/10/1993	69	
75	TH.075	02	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	01/08/1994	76	
76	TH.076	02	Phùng Thị Sen	29/1/1998	51	
77	TH.077	02	Đỗ Thanh Tâm	24/11/2001	50	
78	TH.078	02	Hán Thị Thanh Thảo	07/04/2002	70	
79	TH.079	02	Nguyễn Thị Thảo	04/07/2002	56	
80	TH.080	02	Đinh Hồng Thảo	23/5/2002		Vắng
81	TH.081	02	Nguyễn Phương Thảo	25/04/1998	69	
82	TH.082	02	Trần Đức Thịnh	27/9/1993	70	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
83	TH.083	02	Lê Thị Thu	14/3/2001		Vắng
84	TH.084	02	Nguyễn Thị Ánh Thu	20/11/1991	90	
85	TH.085	02	Vũ Thị Ngọc Thúy	20/8/1988	69	
86	TH.086	02	Phạm Thị Thùy	25/4/1994		Vắng
87	TH.087	02	Nguyễn Thị Bích Thủy	02/09/1991	50	
88	TH.088	02	Phùng Mạnh Toàn	10/04/1998	73	
89	TH.089	02	Vũ Kiều Trang	16/8/1999	61	
90	TH.090	02	Trần Thị Thùy Trang	24/2/1996		Vắng
91	TH.091	02	Phạm Thị Thu Trang	24/8/1999	55	
92	TH.092	02	Khuất Thị Huyền Trang	19/3/1997	53	
93	TH.093	02	Nguyễn Huyền Trang	20/11/2002	76	
94	TH.094	03	Tạ Kiều Trang	15/8/2000	58	
95	TH.095	03	Vũ Thiên Trang	16/7/2001	75	
96	TH.096	03	Phùng Thị Tuyết	05/04/1989	55	
97	TH.097	03	Nguyễn Thị Thanh Vân	05/11/1991	52	
98	TH.098	03	Mai Trần Thảo Vân	30/01/2002	70	
99	TH.099	03	Phạm Thị Hồng Vân	28/9/1996	85	
100	TH.100	03	Hà Xuân Vụ	04/09/1993	50	
101	TH.101	03	Nguyễn Thị Hồng Yến	10/06/2001	70	
102	TH.102	03	Nguyễn Hoàng Yến	03/09/1993	80	
103	TH.103	03	Nguyễn Ngọc Ánh	15/10/2002	69	
104	TH.104	03	Lại Cao Cường	23/8/1991	50	
105	TH.105	03	Ma Thị Đan	15/3/2002	52	
106	TH.106	03	Nguyễn Hương Giang	27/5/2002	70	
107	TH.107	03	Nguyễn Thị Hiền	01/05/1998	90	
108	TH.108	03	Phạm Thị Thanh Hòa	02/09/1995	89	
109	TH.109	03	Phạm Thị Khánh	14/01/1995	65	
110	TH.110	03	Trần Thúy Loan	21/12/2000		Vắng
111	TH.111	03	Nguyễn Thị Ngọc Mai	31/3/1993	75	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
112	TH.112	03	Đinh Thị Phương Ngân	23/6/1995	71	
113	TH.113	03	Đỗ Quỳnh Nhung	26/11/1990	75	
114	TH.114	03	Chu Thị Thu Phương	20/9/1993	68	
115	TH.115	03	Hoàng Thu Phương	29/9/1997	62	
116	TH.116	03	Phạm Thị Thu Phương	22/7/1995	74	
117	TH.117	03	Trình Thị Như Quỳnh	02/11/1998	85	
118	TH.118	03	Đỗ Thanh Tâm	21/05/1999	55	
119	TH.119	03	Phạm Thị Yên	22/10/1995	80	
120	TH.120	03	Nguyễn Thị Thúy An	02/08/1991	80	
121	TH.121	03	Lê Cẩm Chi	02/04/2002	76.5	
122	TH.122	03	Phạm Thị Duyên	30/10/1995	85	
123	TH.123	03	Phạm Thị Thu Hà	21/5/1994	86	
124	TH.124	03	Trần Thị Loan	22/7/1993	71	
125	TH.125	03	Nguyễn Thị Mai	19/5/1999	54	
126	TH.126	03	Đinh Văn Minh	14/07/1993	86	
127	TH.127	03	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	23/7/1998	80	
128	TH.128	03	Hoàng Thị Nhung	15/1/1990	60	
129	TH.129	03	Đào Hà Phúc	17/9/2001	55	
130	TH.130	03	Ngọc Văn Quỳnh	07/10/2002	81	
131	TH.131	03	Nguyễn Thị Phương Thảo	11/09/1990	55	
132	TH.132	03	Kiều Thị Minh Thu	04/11/1994		Vắng
133	TH.133	03	Đinh Thị Thúy	25/12/1994	55	
134	TH.134	03	Trần Anh Tuấn	20/7/1990	60	
135	TH.135	03	Lê Thị Hồng Vân	01/12/2000		Vắng
136	TH.136	03	Đặng Thị Xuân	06/02/1992	50	
137	TH.137	03	Đinh Thị Hồng Anh	07/10/1995	72	
138	TH.138	03	Nguyễn Thị Lan Anh	30/7/1999	65.5	
139	TH.139	03	Phùng Thị Minh	03/01/1992	70	
140	TH.140	03	Kiều Thị Thu	26/11/1996	70	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
141	TH.141	04	Nguyễn Minh Anh	14/11/2001	61	
142	TH.142	04	Lâm Hoàng Anh	06/01/2002	60.5	
143	TH.143	04	Đỗ Ngọc Anh	04/12/1997		Vắng
144	TH.144	04	Kiều Thị Ngọc Anh	16/10/1991	51	
145	TH.145	04	Trần Thị Minh Ánh	05/07/2002	80	
146	TH.146	04	Đào Khánh Chi	27/2/1999	71	
147	TH.147	04	Vũ Phương Dung	05/05/2002	60	
148	TH.148	04	Bùi Quỳnh Giang	25/6/2002	56	
149	TH.149	04	Nguyễn Thị Hương Giang	17/8/1989		Vắng
150	TH.150	04	Bùi Thị Thu Hà	31/5/2002	51	
151	TH.151	04	Đỗ Thị Thu Hà	25/7/1991	50	
152	TH.152	04	Vì Thị Hà	06/06/1993	75	
153	TH.153	04	Bạch Hồng Hạnh	09/01/2001		Vắng
154	TH.154	04	Hà Thị Thu Hảo	08/11/1994		Vắng
155	TH.155	04	Thiều Thị Thu Hiền	17/10/1991	56	
156	TH.156	04	Nguyễn Thị Hiền	25/3/1990	56	
157	TH.157	04	Nguyễn Thị Lê Hiền	16/7/1991	61	
158	TH.158	04	Lưu Thị Thanh Hoa	22/11/1999	65	
159	TH.159	04	Lò Thị Hoa	01/06/1995	51	
160	TH.160	04	Nguyễn Thị Hoạt	11/10/1993	50	
161	TH.161	04	Nguyễn Thị Thanh Huệ	10/03/1992	67	
162	TH.162	04	Đào Khánh Huyền	04/01/1995	60	
163	TH.163	04	Nguyễn Thị Thanh Huyền	13/9/1994	85	
164	TH.164	04	Trịnh Hương Ly	24/5/2002	59	
165	TH.165	04	Phùng Thị Thảo Ly	06/06/2002	70	
166	TH.166	04	Tạ Thị Quỳnh Mai	11/01/1991		Vắng
167	TH.167	04	Nguyễn Thị Mơ	06/11/1995	59	
168	TH.168	04	Nguyễn Ngọc Huyền My	10/06/2000		Vắng
169	TH.169	04	Phạm Thị Quỳnh Nga	16/1/1999	61	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
170	TH.170	04	Dương Thị Oanh	29/5/1995	65	
171	TH.171	04	Hoàng Hồng Phương	12/08/2002	76	
172	TH.172	04	Nguyễn Thị Phương	10/03/1988	55	
173	TH.173	04	Nguyễn Thị Lệ Quyên	10/01/1991	80	
174	TH.174	04	Lương Thị Phương Thảo	30/9/1999	71	
175	TH.175	04	Phạm Hương Thảo	21/10/2001		Vắng
176	TH.176	04	Nguyễn Thị Thanh Thúy	02/03/2002	56	
177	TH.177	04	Đinh Thị Thùy	06/06/1990	55	
178	TH.178	04	Dương Thị Kim Tuyến	12/09/1991	51	
179	TH.179	04	Nguyễn Thị Cẩm Vân	10/09/1994	60	
180	TH.180	04	Nguyễn Thị Vân	28/6/1992	87	
181	TH.181	04	Hà Thị Việt	17/12/1991	50	
182	TH.182	04	Nguyễn Thị Xa	24/9/1995		Vắng
183	TH.183	04	Ngô Thị Hòa	21/4/2002	82	
184	TH.184	04	Chu Thị Thanh Huyền	18/7/2002	67	
185	TH.185	04	Cao Phương Linh	03/11/2002	63	
186	TH.186	04	Bùi Huyền Trang	24/09/2001	69	
187	TH.187	04	Phạm Thị Tươi	04/06/2000	70	
188	TH.188	05	Phạm Thị Hải Anh	13/5/2002	72.5	
189	TH.189	05	Nguyễn Thị Vân Anh	24/5/1993	85	
190	TH.190	05	Trần Thị Ngọc Anh	08/09/2002	92.5	
191	TH.191	05	Nguyễn Thị Ngọc Bích	24/10/2002	80	
192	TH.192	05	Nguyễn Thị Bông	09/03/1994	55	
193	TH.193	05	Bùi Kim Điểm	07/04/1988		Vắng
194	TH.194	05	Nguyễn Thị Định	02/02/1987	55	
195	TH.195	05	Tạ Minh Giang	01/06/2002	90	
196	TH.196	05	Trần Hương Giang	09/09/2002	85	
197	TH.197	05	Nguyễn Thu Hà	15/3/2002	67.5	
198	TH.198	05	Triệu Thị Ngọc Hà	18/7/1987	72.5	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
199	TH.199	05	Nguyễn Thị Hà	15/3/1994		Vắng
200	TH.200	05	Lại Việt Hà	01/05/2002	75	
201	TH.201	05	Đào Thanh Hải	17/3/2001	66	
202	TH.202	05	Cù Thúy Hằng	21/9/2002	65	
203	TH.203	05	Đào Thị Thu Hằng	25/8/2002	60	
204	TH.204	05	Hoàng Đức Hạnh	13/10/2002	70	
205	TH.205	05	Dương Thị Hạnh	10/01/2001	85	
206	TH.206	05	Bùi Thị Hồng Hạnh	07/04/2001	95	
207	TH.207	05	Trần Thị Hậu	26/2/2001	90	
208	TH.208	05	Nguyễn Thu Hiền	29/11/1996	87.5	
209	TH.209	05	Nguyễn Thị Hoa	20/10/1990	60	
210	TH.210	05	Phan Thị Hoàn	20/3/1991	75	
211	TH.211	05	Vũ Kim Huệ	24/3/1995		Vắng
212	TH.212	05	Nguyễn Thị Huệ	10/05/1996	65	
213	TH.213	05	Nguyễn Thị Mai Hương	20/4/1993	55	
214	TH.214	05	Phạm Thúy Hường	31/07/2002	95.5	
215	TH.215	05	Đào Ngọc Huyền	01/12/1993	95	
216	TH.216	05	Hà Thanh Huyền	17/07/2002	57.5	
217	TH.217	05	Lã Thu Huyền	15/11/1996	65	
218	TH.218	05	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	11/02/2002	71	
219	TH.219	05	Đỗ Thu Huyền	16/2/1994	95.5	
220	TH.220	05	Đỗ Thanh Lam	23/01/1997	53	
221	TH.221	05	Hoàng Thị Phương Lan	20/7/1984	69.5	
222	TH.222	05	Trần Thị Phương Lan	11/12/1994		Vắng
223	TH.223	05	Nguyễn Thị Liên	03/04/1991	60	
224	TH.224	05	Nguyễn Thị Linh	12/12/1991	90.5	
225	TH.225	05	Đỗ Văn Linh	29/5/1991		Vắng
226	TH.226	05	Đàm Lưu Linh	11/06/1998	61	
227	TH.227	05	Nguyễn Thùy Linh	27/10/1998	50.5	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
228	TH.228	05	Ngô Kiều Linh	10/02/2002	74	
229	TH.229	05	Phạm Thùy Linh	02/01/2000	50	
230	TH.230	05	Hà Ngọc Linh	10/11/2002	74.5	
231	TH.231	05	Hà Khánh Linh	17/12/2002	94	
232	TH.232	05	Nguyễn Thị Thúy Loan	28/4/1983	59	
233	TH.233	05	Lê Thị Phương Mai	25/4/2002	90	
234	TH.234	05	Vi Ngọc Mai	04/07/2002	93	
235	TH.235	06	Nguyễn Thị Hồng Minh	02/07/1990	95	
236	TH.236	06	Vũ Thị Trà My	20/6/2002	92	
237	TH.237	06	Trần Thị Hồng Nga	21/11/1992	55	
238	TH.238	06	Nguyễn Thị Kim Ngọc	20/10/2002	95	
239	TH.239	06	Nguyễn Thị Bích Ngọc	21/12/1994		Vắng
240	TH.240	06	Phan Thị Ngọc	05/08/2000	51.5	
241	TH.241	06	Đỗ Thị Hồng Ngọc	23/9/2002	50.5	
242	TH.242	06	Trương Thanh Ngọc	02/11/2002	93.5	
243	TH.243	06	Dương Thị Nhung	03/12/1996	95	
244	TH.244	06	Đỗ Thị Hồng Nhung	16/2/1989	70	
245	TH.245	06	Nguyễn Thị Kiều Oanh	27/3/1988	50.5	
246	TH.246	06	Lê Thị Minh Phương	26/12/1997	50.5	
247	TH.247	06	Đoàn Thị Phương	13/08/1999	55	
248	TH.248	06	Nông Tú Phương	07/02/2002	93.5	
249	TH.249	06	Nguyễn Kim Quý	09/10/1991	50	
250	TH.250	06	Đinh Quang Sơn	19/11/1990	55.5	
251	TH.251	06	Bùi Khoa Thắng	14/9/1995	70	
252	TH.252	06	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/01/1997	71	
253	TH.253	06	Nguyễn Phương Thảo	17/7/2002	55	
254	TH.254	06	Lý Thu Thảo	19/7/2002	93.5	
255	TH.255	06	Nguyễn Phương Thảo	03/01/2002	93	
256	TH.256	06	Đinh Thị Thoa	11/02/1996	50.5	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
257	TH.257	06	Đinh Thị Thoa	22/10/1996	58	
258	TH.258	06	Nguyễn Thị Bích Thu	10/09/2002	55	
259	TH.259	06	Nguyễn Thị Thúy Thương	16/9/1991	50	
260	TH.260	06	Nguyễn Thị Thanh Thùy	01/04/2002	80	
261	TH.261	06	Chu Thị Thùy	15/2/1989	70	
262	TH.262	06	Nguyễn Thị Bích Thùy	29/01/1986	87.5	
263	TH.263	06	Ngô Thị Thu Thủy	19/04/1997		Vắng
264	TH.264	06	Phạm Thị Thủy	28/4/1994	76	
265	TH.265	06	Lê Thị Tình	11/04/2002	82	
266	TH.266	06	Phạm Thùy Trang	05/01/1995	65	
267	TH.267	06	Nguyễn Thị Tú	10/10/1991	75	
268	TH.268	06	Lý Văn Tuấn	09/01/1997	65	
269	TH.269	06	Nguyễn Thị Thanh Vân	10/03/1991	70	
270	TH.270	06	Triệu Văn Xuân	08/01/1991	55	
271	TH.271	06	Nguyễn Tú Anh	27/1/2002	65	
272	TH.272	06	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	26/2/2000	75	
273	TH.273	06	Đinh Thị Dung	10/08/2002	80	
274	TH.274	06	Lê Thị Kim Dung	20/5/1993		Vắng
275	TH.275	06	Nguyễn Thị Thanh Giang	03/07/1991	0	
276	TH.276	06	Nguyễn Thu Hà	04/09/2002	50	
277	TH.277	06	Nguyễn Thúy Hằng	22/10/2002	81	
278	TH.278	06	Đinh Thanh Hằng	27/01/2001	75	
279	TH.279	06	Bùi Thu Hiền	08/10/2002	90	
280	TH.280	06	Phan Thu Hiền	04/02/2002	60	
281	TH.281	06	Đỗ Thị Thu Hiền	01/03/2002	75	
282	TH.282	07	Vũ Thị Hương	14/01/1993		Vắng
283	TH.283	07	Đinh Thu Hường	09/11/2002	50.5	
284	TH.284	07	Phạm Thị Lan	06/02/1991	55.5	
285	TH.285	07	Trần Thị Thùy Linh	13/5/2002	71	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
286	TH.286	07	Ngô Thị Linh	07/12/1995	61	
287	TH.287	07	Trần Thị Luận	10/07/1988		Vắng
288	TH.288	07	Đặng Thị My Ly	25/11/1994	50.5	
289	TH.289	07	Nguyễn Thị Tuyết Mai	30/4/1993	61	
290	TH.290	07	Hoàng Thị Ngọc Mai	01/07/2002	71	
291	TH.291	07	Nguyễn Thị Bình Minh	14/3/2001	63	
292	TH.292	07	Lê Hồng Minh	11/11/1992	66	
293	TH.293	07	Nguyễn Minh Quỳnh	01/08/1991	79.5	
294	TH.294	07	Đặng Thị Sang	23/07/1994		Vắng
295	TH.295	07	Nguyễn Thị Hồng Thắm	21/1/1993		Vắng
296	TH.296	07	Lê Thị Phương Thảo	05/07/2002	70	
297	TH.297	07	Trần Phương Thảo	01/07/2002	58	
298	TH.298	07	Lê Thị Thi	08/03/2002	56	
299	TH.299	07	Nguyễn Xuân Thương	03/01/1995		Vắng
300	TH.300	07	Nguyễn Thu Thúy	09/03/1996	71.5	
301	TH.301	07	Nguyễn Thị Thanh Thúy	23/8/2002	79	
302	TH.302	07	Lê Thị Kiều Trang	07/01/2002	51	
303	TH.303	07	Nguyễn Thị Hải Yến	12/03/1991	70	
304	TH.304	07	Vương Khắc Đạt	11/07/2002	60	
305	TH.305	07	Nguyễn Trọng Dũng	26/8/1995	50	
306	TH.306	07	Bùi Thế Giang	10/03/1994	70	
307	TH.307	07	Trần Quang Hải	09/01/1997	55	
308	TH.308	07	Nguyễn Văn Hảo	16/3/1993	60	
309	TH.309	07	Nguyễn Hải Hoàng	11/05/2001		Vắng
310	TH.310	07	Chu Minh Hưởng	14/3/1994		Vắng
311	TH.311	07	Phạm Quang Khải	19/11/1997	50	
312	TH.312	07	Lại Văn Nam	25/5/1990	70	
313	TH.313	07	Triệu Thị Nguyệt	21/4/1991		Vắng
314	TH.314	07	Đinh Minh Phương	11/12/1990	70	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
315	TH.315	07	Trần Thị Phương Thảo	24/4/2002	58	
316	TH.316	07	Hà Văn Thi	15/4/1987	50	
317	TH.317	07	Đinh Đức Thiện	26/9/1983	50	
318	TH.318	07	Nguyễn Hữu Tuấn	21/02/1995		Vắng
319	TH.319	07	Phùng Duy Việt	11/08/1994	65	
320	TH.320	07	Nguyễn Tuấn Vũ	10/02/2000	60	
321	TH.321	07	Nguyễn Hoàng Vương	06/01/2001	65	
322	KT.322	07	Nguyễn Thị Hồng Dung	21/8/1996	55	
323	KT.323	07	Đỗ Thị Hạnh	12/06/2002	70	
324	KT.324	07	Hà Thị Thanh Thanh Huyền	13/12/1988	55	
325	KT.325	07	Cao Phương Linh	25/01/2000	80	
326	KT.326	07	Lê Khánh Linh	24/07/1999	65	
327	KT.327	07	Nguyễn Thị Bích Ngọc	05/05/1993	50	
328	KT.328	07	Trương Thị Nhân	07/07/1994	90	
329	KT.329	07	Hà Thị Tố Uyên	15/10/1993	80	
330	VT.330	08	Trần Linh Chi	16/8/2001	65	
331	VT.331	08	Phạm Thu Thủy	18/11/1984	67.5	
332	VT.332	08	Nguyễn Ngọc Hà Trang	10/11/1998	52.5	
333	KT.333	08	Nguyễn Thị Lan Anh	24/2/1989	52.5	
334	KT.334	08	Khổng Thị Linh Đan	05/01/2001	50	
335	KT.335	08	Đinh Bích Diệp	06/05/1997	67.5	
336	KT.336	08	Hoàng Thị Kim Dung	27/9/1993	62.5	
337	KT.337	08	Nguyễn Thị Dung	04/05/1991	72.5	
338	KT.338	08	Phạm Tiến Dũng	19/8/2001	85	
339	KT.339	08	Nguyễn Hương Giang	30/10/2000	72.5	
340	KT.340	08	Khổng Hương Giang	29/9/1999		Vắng
341	KT.341	08	Nguyễn Diễm Hằng	15/10/1998	80	
342	KT.342	08	Lê Thị Thu Hằng	22/12/1992	80	
343	KT.343	08	Vũ Thị Hòa	06/01/1989	50	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
344	KT.344	08	Lê Anh Hoàng	08/01/2002	77.5	
345	KT.345	08	Trần Thị Thu Hương	18/9/1990	50	
346	KT.346	08	Ngô Thị Huyền	30/6/1993	75	
347	KT.347	08	Phùng Thị Thanh Huyền	08/06/2001	55	
348	KT.348	08	Tạ Khắc Huỳnh	31/10/1998		Vắng
349	KT.349	08	Trần Thị Vũ Lệ	24/10/1990	67.5	
350	KT.350	08	Ngô Thị Linh	01/10/1998		Vắng
351	KT.351	08	Nguyễn Thị Diệu Linh	09/05/1994	67.5	
352	KT.352	08	Bùi Mỹ Linh	22/10/1998		Vắng
353	KT.353	08	Hoàng Ngọc Mai	08/09/1999		Vắng
354	KT.354	08	Bùi Ngọc Mai	02/12/1997		Vắng
355	KT.355	08	Bùi Thị My	29/5/2001	76	
356	KT.356	08	Trần Thị Bích Nga	23/2/1996		Vắng
357	KT.357	08	Nguyễn Minh Hồng Ngọc	01/07/1993	72.5	
358	KT.358	08	Nguyễn Hà Minh Ngọc	03/04/2001	84.5	
359	KT.359	08	Vũ Bảo Ngọc	09/12/2002	87.5	
360	KT.360	08	Nguyễn Minh Nguyệt	01/02/1994	72.5	
361	KT.361	08	Trần Thị Hồng Nhung	21/12/1999	85	
362	KT.362	08	Nguyễn Thị Phượng	10/08/1986		Vắng
363	KT.363	08	Vũ Thị Thanh Quỳnh	03/11/1990	81	
364	KT.364	08	Hà Thị Hồng Thanh	25/3/1996		Vắng
365	KT.365	08	Trịnh Ngọc Thanh	24/11/2003	55	
366	KT.366	08	Nguyễn Thu Thảo	19/2/1990	50	
367	KT.367	08	Phạm Thị Thanh Thảo	10/05/1991	57.5	
368	KT.368	08	Bùi Thị Thuận	28/7/1990	65	
369	KT.369	08	Lê Thị Diệu Thúy	18/12/1996	85	
370	KT.370	08	Nguyễn Thị Phương Thúy	01/02/1993	82.5	
371	KT.371	08	Nguyễn Thùy Trang	12/10/2000		Vắng
372	KT.372	08	Đỗ Hà Trang	22/01/1996	85	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ tên	Ngày sinh	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
373	KT.373	08	Trương Thị Thu Trang	01/01/1993	77.5	
374	KT.374	08	Trần Thanh Trang	12/04/1993	55	
375	KT.375	08	Phan Thị Thu Trang	27/7/1998	52.5	

Ấn định danh sách có 375 người!